TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2023.
V/v ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thu Thảo;
Ông Đặng Văn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh ngày 01/01/1976;
Địa chỉ: 187/7, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh ngày 01/01/1965; (vắng mặt)
Địa chỉ: 187/7, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 30/5/2004.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó đến tháng 01/2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể

hàn gắn. Nguyên do ông H không chịu đi làm chăm lo kinh tế cho gia đình, thường xuyên uống rượu say về nhà gây gỗ vợ và các con. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 04 cháu là Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/01/1994; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 04/11/1995; Lê Tấn T1, sinh ngày 14/10/1998 và Lê Thị Kim T2, sinh ngày 18/01/2005. Khi ly hôn, các con đã thành niên nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đ khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ khai không có.

** Bị đơn ông Lê Văn H trong quá trình tham gia tố tụng:* Ông H đã được Tòa án tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có).

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ, cho bà Đ được ly hôn với ông Lê Văn H; về con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do bị đơn ông H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn" với ông Lê Văn H, nơi cư trú tại nhà số 187/7, Hương Lộ 9, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn", và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Lê Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn H không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải; triệu tập hòa giải lần thứ hai, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 02/TB-TA ngày 01/3/2023, nhưng ông H cũng không phản đối. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 30/5/2004; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà Đ và ông H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà Đ, ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông H thường xuyên say rượu gây gỗ vợ con. Từ tháng 02/2022 cho đến nay hai người đã sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng ông H không hợp tác, chứng tỏ ông H bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa hai bên, còn bà Đ vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ, ông H có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đang sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà Đ và ông H đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà Đ và ông H có 04 con chung là Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/01/1994; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 04/11/1995; Lê Tấn T1, sinh ngày 14/10/1998 và Lê Thị Kim T2, sinh ngày 18/01/2005. Các con đã thành niên nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ khai tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có, còn ông H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Các cháu Lê Thị Ngọc G, sinh ngày 30/01/1994; Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 04/11/1995; Lê Tấn T1, sinh ngày 14/10/1998 và Lê Thị Kim T2, sinh ngày 18/01/2005 đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ khai tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, còn ông H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004650 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 36, ngày 30/5/2004);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Anh Sơn